

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 21/05/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP1+RC4+TD5	7:25	10+7+4	0+0+0		10+6+6	0+0+0	chuyen 1 rp1-rc4
2		Thor+RP3	7:25	14+8	0+0		9+13	0+0	
3		RP3+RCDM	7:25	11+7	0+0		10+9	0+0	ec225
4		VSP02+RP2	9:25	21+1	0+0		21+1	0+0	
5		MRM	9:25	21	0		22	0	
6		Thor	9:25	19	0		19	0	ec
7		RC5+RC4+TD5	11:25	12+6+2	0+0+0		6+7+7	0+0+0	
8		RP3+RP1	11:25	7+13	0+0		3+19	0+0	
9		MRM+VSP02	13:25	5+16	0+0		3+18	0+0	
10		RP3+RC6	13:25	12+8	0+0		13+9	0+0	

TTBDSX

- 1/ 1 nguoi Rp1 về đi RC5,
- 2/ Đi về trong ngày Rc8-3ng, Rc4-3ng, Vsp02-2ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/05/2025	TO: RP1 - RC4 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TSOPANOV ALAN	RP1	30-32	3	16			100	KH-THAC	Russian
2	KOROGHLUYEV	RP1	33	1	7			75	KH-THAC	Russian
3	TRẦN QUANG TUNG	RP1						75	KH-THAC	Vietnamese
4	HỒ NGHĨA TÀI	RP1	92	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẦN CÔNG TOÀN	RP1	96	1	9			86	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	97	1	4			81	KH-THAC	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	RP1	94	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	95	1	5	1	10	77	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	93	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese
10	LUÔNG THẾ HẢI	RP1	98-99	2	20			69	KH-THAC	Vietnamese
11	VU VĂN MẠNH	RC4						80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN CÔNG HIẾU	RC4						82	KH-THAC	Vietnamese
13	MIKHAI LOV E.B.	RC4	05	1	5			87	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RC4				3	50	72	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG VĂN TUNG	RC4	03	1	9			81	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG MINH DUNG	RC4						78	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HẢI ANH	RC4	04	1	11			73	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN TIẾN TUỆ	TD5	18	1	9			65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	TD5						72	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	TD5	17	1	3			52	KH-THAC	Vietnamese
21	SMIRNOV VS.S	TD5	19	1	4			96	KH-THAC	Russian

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
					PCS	W	PCS	W			
1		RP1	10	776	12	86	1	10	10	1	CHUYEN 01 PAX RP1 SANG RC4
2		RC4	7	553	3	25	3	50	6		
3		TD5	4	285	3	16	0	0	3		
		TOTAL	21	1.614	18	127	4	60	19		
		WEIGHT KG		1.614		127		60			

GRAND TOAL: 1.801 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/05/2025	TO: THOR - RP3	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 09:25
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GRAEME MORISON	THOR	32-33	2	19			95	BORR DRIL	British
2	AMBROSE JAKOB	THOR	40-41	2	7			57	BORR DRIL	Malaysian
3	LEE YEE SIANG	THOR	36-37	2	14			70	BORR DRIL	Malaysian
4	HOANG QUOC VIET	THOR	47-48	2	12	1	5	65	PVD OFFSH	Vietnamese
5	DARWIN GATCHALIAN DARWIN	THOR	42-43	2	18	2	35	82	PVD OFFSH	Filipino
6	NGUYEN VAN LUU	THOR	45	1	10			64	PVD OFFSH	Vietnamese
7	ĐO TIEN DUNG	THOR	44	1	7			59	D-HANH	Vietnamese
8	LÊ QUANG CUONG	THOR	46	1	14			79	KHOAN	Vietnamese
9	PHAM TIEN VINH	THOR	28	1	17			80	KHOAN	Vietnamese
10	DUONG QUOC VIET	THOR	49-50	2	7			84	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN VAN LINH	THOR	29	1	14			66	DVL	Vietnamese
12	WIN KO KO	THOR	30-31	2	17			90	SLB	Myanmar
13	NGUYEN THE TRA	THOR	34-35	2	16			66	SLB	Vietnamese
14	ADRIAN AMPAN	THOR	38-39	2	7			70	CONNECT	Malaysian
15	AKOPOV	RP3	31	1	8			82	KH-THAC	Russian
16	NGUYEN BAC HA	RP3	34	1	10			63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	33	1	8	1	16	76	KH-THAC	Vietnamese
18	BOEVODCHENKOV N.V	RP3	32	1	5			103	KH-THAC	Russian
19	PHAM HUU THANG	RP3	27	1	8			88	KH-THAC	Vietnamese
20	VU TRUNG KIEN	RP3	28	1	5			81	KH-THAC	Vietnamese
21	HUYNH NGOC BICH	RP3	29-30	2	13			73	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		THOR	14	1.027	23	179	3	40	9			
2		RP3	7	566	8	57	1	16	13			
		TOTAL	21	1.593	31	236	4	56	22			
		WEIGHT KG		1.593		236		56				

GRAND TOAL: 1.885 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/05/2025	TO: RP3 - RCDM	AIRCRAFT: 618	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: HHAI - NAM	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAM QUANG TRUNG	RP3						71	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN THANH NAM	RP3	80	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
3	LUONG QUANG THUONG	RP3	84	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
4	DO DUUY TIEN	RP3	87	1	7			82	KH-THAC	Vietnamese
5	DANG CONG THINH	RP3	81	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI DUC THUAN	RP3	83	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC HIEU	RP3	79	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
8	LE DUC HUY	RP3	86	1	4			64	KH-THAC	Vietnamese
9	VU THANH LONG	RP3	78	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN CONG	RP3	82	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN THANH HOAI	RP3	77	1	4			108	KH-THAC	Vietnamese
12	DOAN MANH QUANG	RP3	85	1	7			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN DUY HUNG	RCDM	10,65	2	17	1	9	75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN VAN QUY	RCDM	62	1	12	1	10	82	KH-THAC	Vietnamese
15	DINH VAN CONG	RCDM	61	1	6			83	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TRONG HIEU	RCDM	64	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN HOANG THONG	RCDM	58-59	2	19	1	6	82	KH-THAC	Vietnamese
18	VU BAO THANH	RCDM	36	1	8	1	16	82	NIPI	Vietnamese
19	PHAM VAN HUAN	RCDM	35	1	5			73	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP3	12	907	11	63	0	0	10			
2		RCDM	7	538	9	76	4	41	9			
		TOTAL	19	1.445	20	139	4	41	19			
		WEIGHT KG		1.445		139		41				

GRAND TOAL: 1.625 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/05/2025	TO: VSP02 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - HIẾU	ETA: 11:40
XANH - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	YANDYAN E.A.	VSP02	99	1	12			88	KH-THAC	Russian
2	ĐỖ QUANG HUNG	VSP02	03-04	2	13			70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN HIỆP	VSP02	97-98	2	13			68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	05	1	6			73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO ĐỨC CHU	VSP02	12	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG LONG	VSP02	08-09	2	16			73	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	17	1	9			60	KH-THAC	Vietnamese
8	SABITOV A.A	VSP02	96	1	9			79	KH-THAC	Russian
9	KRAMARENKO V.V.	VSP02	07	1	3	2	30	66	KH-THAC	Russian
10	ARTYUSHIN SERGEY	VSP02	11	1	14			91	ANTOAN	Russian
11	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	15	1	5			69	YTE	Vietnamese
12	NGO ĐỨC TRI	VSP02	10	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
13	GURIN VLADISLAV	VSP02	19	1	5			104	KH-THAC	Russian
14	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	14	1	5			84	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN GIA LONG	VSP02	13	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	01	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	16	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	18	1	6			80	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG NHẬT MINH	VSP02	02	1	4			79	KH-THAC	Vietnamese
20	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	300	1	4			67	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	06	1	5			106	KH-THAC	Vietnamese
22	ZAKLADNIY R.M.	RP2	01	1	12			106	D-HANH	Russian

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		VSP02	21	1.597	24	154	2	30	21			
2		RP2	1	106	1	12	0	0	1			
		TOTAL	22	1.703	25	166	2	30	22			
		WEIGHT KG		1.703		166		30				

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/05/2025	TO: MRM	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: QVIỆT - M.ĐỨC - TOAN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	GRIGOREV ALEKSANDR	MRM	65	1	15			67	AMNGR	Russian
2	TARATONOV IURI	MRM	72-73	2	18			83	AMNGR	Russian
3	BARILENKO ALEKSANDR	MRM	74	1	10			128	AMNGR	Russian
4	ĐINH VAN TAM	MRM	81	1	5			58	AMNGR	Vietnamese
5	VU THANH TUNG	MRM	86	1	10			59	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DINH HUYNH	MRM	84	1	8			90	KHOAN	Vietnamese
7	GROMOV S. A.	MRM	58	1	7			82	KHOAN	Russian
8	VU TRUONG NAM	MRM	85	1	3			63	KHOAN	Vietnamese
9	VU NGOC TIEN	MRM	87	1	9			75	DVL	Vietnamese
10	TRAN DAI HUNG	MRM	88	1	5			70	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN VAN TIEN	MRM	82	1	6			68	DVL	Vietnamese
12	BREDNEV ARTEM	MRM	79-80	2	14			82	AMNGR	Russian
13	KOZLOV IURI	MRM	77-78	2	13			97	AMNGR	Russian
14	KOTIKOV ALEXEY	MRM	68-70	3	22			111	AMNGR	Russian
15	MAKSHANTSEV EVGENY	MRM	57	1	15	1	26	76	AMNGR	Russian
16	KVARTNIKOV ANTON	MRM	75-76	2	14			112	AMNGR	Russian
17	SYCHEV VALERII	MRM	62	1	18			93	AMNGR	Russian
18	KADATOV MIKHAIL	MRM	63-64	2	17			72	AMNGR	Russian
19	BOYCHUK VALERY	MRM	71	1	12			65	AMNGR	Russian
20	SHAKIN MIKHAIL	MRM	66-67	2	18			89	AMNGR	Russian
21	CHAGOVETS ALEKSANDR	MRM	60-61	2	19			75	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

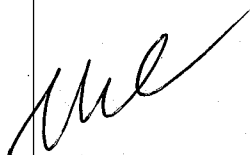
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		MRM	21	1.715	30	258	1	26	22			
		TOTAL	21	1.715	30	258	1	26	22			
		WEIGHT KG		1.715		258		26				

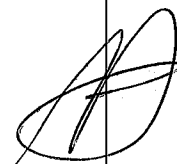
GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/05/2025	TO: THOR	AIRCRAFT: 618	ETD: 10:00
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HHAI - NAM	ETA: 11:50
TRANG-2			

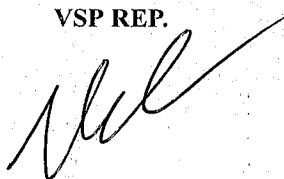
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN HUU HIEP	THOR	95	1	8	5	51	67	PSV	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC TINH	THOR	96	1	7			76	PSV	Vietnamese
3	DONG VAN TOAN	THOR	88	1	7			63	PVD OFFSH	Vietnamese
4	LE CONG HAI	THOR	92	1	5			58	PVD OFFSH	Vietnamese
5	NGO BA HOANG	THOR	89	1	7			67	PVD OFFSH	Vietnamese
6	LE NGOC HUNG	THOR	87	1	5			72	PVD OFFSH	Vietnamese
7	BUI HUY TIEN	THOR	82	1	5			57	PVD OFFSH	Vietnamese
8	VU THANH CONG	THOR	83	1	4			68	PVD OFFSH	Vietnamese
9	NGUYEN VAN XUYEN	THOR	81	1	4			72	PVD OFFSH	Vietnamese
10	NGUYEN DUC TUOI	THOR	97	1	7			82	PVD OFFSH	Vietnamese
11	DANG THANH TU	THOR	54	1	9			61	PVD OFFSH	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC TRUONG	THOR	94	1	5			57	PVD OFFSH	Vietnamese
13	NGUYEN VAN DUC	THOR	84	1	9			74	PVD OFFSH	Vietnamese
14	HUYNH KIM TRI	THOR	98	1	6			71	PVD OFFSH	Vietnamese
15	DOAN MINH HUU	THOR	93	1	10			75	PVD OFFSH	Vietnamese
16	NGUYEN TAN VINH	THOR	85-86	2	14			58	PVD OFFSH	Vietnamese
17	VU VAN TUONG	THOR	55-56	2	19			82	BAKER HUI	Vietnamese
18	PHAN HUU QUYEN	THOR	99,700	2	14			67	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN HOANG QUY	THOR	90-91	2	15			62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	THOR	19	1.289	23	160	5	51	19		
	TOTAL	19	1.289	23	160	5	51	19		
	WEIGHT KG		1.289		160		51			

GRAND TOAL: 1.500 KGS

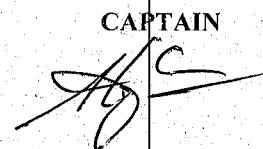
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/05/2025	TO: RC5 - RC4 - TD5	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: KHOÀN - SƠN - NNAM	ETA: 14:00
CAM-3			

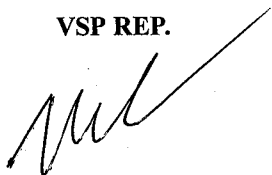
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN TOÀN	RC5	29	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RC5	20	1	14			66	KH-THAC	Vietnamese
3	TRỊNH VĂN TIẾN	RC5	18	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRỊNH PHƯƠNG QUY	RC5	23	1	6			57	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN TRUNG	RC5	25	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM HOANG TUNG	RC5	21-22	2	11			72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO QUYẾT THẮNG	RC5	19	1	6			70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN HUY	RC5	28	1	13			82	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	RC5	16-17	2	22			76	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ HOANG SƠN	RC5	15	1	13			77	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THẠO	RC5	24	1	6			75	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HIỆU	RC5	26-27	2	16			88	NIPI	Vietnamese
13	THAI QUY ƯỚC	RC4	18-19	2	8			75	CODIEN	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN ĐỊNH	RC4	23	1	12			70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	RC4	21-22	2	18			75	XAYLAP	Vietnamese
16	HỒ THÈ ANH	RC4	17	1	17	1	20	62	XAYLAP	Vietnamese
17	CAO NGỌC THANH	RC4	20	1	20			66	XAYLAP	Vietnamese
18	MAI VĂN TUƠNG	RC4	24	1	4			67	PSV	Vietnamese
19	VŨ QUANG TUYẾN	TD5	81	1	7			92	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG ĐIỀN	TD5	82	1	5			66	PSV	Vietnamese
21	LUƠNG THANH TUNG	TD5	83-84	2	12			63	DK	Vietnamese

FLIGHT PLAN

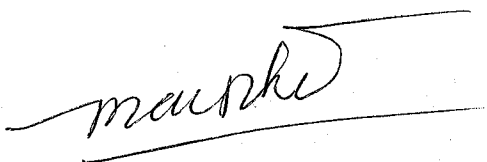
No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RC5	12	889	15	125	0	0	6			
2		RC4	6	415	8	79	1	20	7			
3		TD5	3	221	4	24	0	0	6			
		TOTAL	21	1.525	27	228	1	20	19			
		WEIGHT KG		1.525		228		20				

GRAND TOAL: 1.773 KGS

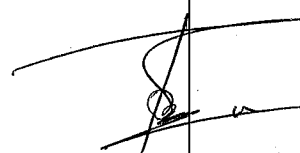
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/05/2025	TO: RP3 - RP1	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:15
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - TỬ	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG XUÂN HÙNG	RP3						65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TỬ HAI	RP3	73	1	2	4	80	65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	74	1	9			69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC THANH	RP3	76	1	7			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	75	1	5			70	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC OANH	RP3						65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THÈ PHONG	RP3	77	1	7			62	KH-THAC	Vietnamese
8	LY XUÂN TRUNG	RP1						68	YTE	Vietnamese
9	PHAN THANH CÔNG	RP1						59	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	50	1	7			91	KH-THAC	Vietnamese
11	HUYNH VĂN THUẬN	RP1	43	1	7	1	8	76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN BA QUY	RP1	53	1	5			69	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP1	48	1	2			61	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH NGỌC	RP1	49	1	5			101	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH QUỐC TRƯỞNG	RP1	44	1	7			78	PSV	Vietnamese
16	TRẦN ĐỨC THUẬN	RP1	51-52	2	11			68	PSV	Vietnamese
17	LÊ NGUYỄN DUY THÔNG	RP1	61	1	5			52	PSV	Vietnamese
18	PHAN LÊ MINH TOÀN	RP1	45-46	2	12			81	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG PHƯỢNG	RP1	47	1	3			65	PSV	Vietnamese
20	TAO QUANG NGÂN	RP1						66	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP3	7	467	5	30	4	80	3			
2		RP1	13	935	12	64	1	8	19			
		TOTAL	20	1.402	17	94	5	88	22			
		WEIGHT KG		1.402		94		88				

GRAND TOAL: 1.584 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 21/05/2025	TO: MRM - VSP02	AIRCRAFT: 420	ETD: 14:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: KHOÀN - SƠN - NNAM	ETA: 16:20
TRANG-4			

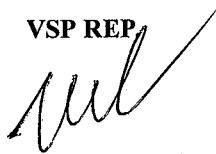
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BREDIN IURII	MRM	02	1	16			94	AMNGR	Russian
2	KOROL YURIY	MRM	03	1	14			81	AMNGR	Russian
3	TRẦN VĂN HIẾU	MRM	05	1	4	2	20	54	AMNGR	Vietnamese
4	ĐANG PHU LOI	MRM	04	1	5			64	AMNGR	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐANG NGỌC NAM	MRM	06	1	4			82	D-HANH	Vietnamese
6	PHẠM ĐỨC TÀI *	VSP02	36-37	2	5			80	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ XUÂN HUNG	VSP02	41	1	9			62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	VSP02	43	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	49	1	7			89	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NGỌC ĐÔNG	VSP02	35	1	7			79	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	48	1	4			69	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO CÔNG HUY	VSP02	44	1	10			62	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI MINH QUÂN	VSP02	39	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THUY	VSP02	45	1	6			65	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐINH THE ANH	VSP02	42	1	8			78	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN CHIẾN THANG	VSP02	47	1	5			72	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN NGỌC TỬ	VSP02						83	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	38	1	5			60	PSV	Vietnamese
19	VU VĂN CHUYỀN	VSP02	50	1	5			67	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN NGỌC TÍN	VSP02	46	1	6			59	PSV	Vietnamese
21	TRẦN QUANG HUNG	VSP02	40	1	4			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		MRM	5	375	5	43	2	20	3			
2		VSP02	16	1.140	16	96	0	0	18			
		TOTAL	21	1.515	21	139	2	20	21			
		WEIGHT KG		1.515		139		20				

GRAND TOAL: 1.674 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 21/05/2025	TO: RP3 - RC6	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:35
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: VTHẮNG - HTRUNG - TỬ	ETA: 16:25
HONG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	PHAN THANH CÔNG	RP3	95	1	4			65	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG VAN HIEN	RP3	94	1	5			56	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VAN CHUNG	RP3	88	1	11			84	ANTOAN	Vietnamese
4	ĐO CÔNG TIEN	RP3	85-86	2	19	1	10	73	ANTOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH HA	RP3	92	1	4			64	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN VY	RP3	93	1	5			67	PSV	Vietnamese
7	TRUONG TIN	RP3	84	1	6			67	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TRUNG (1966)	RP3	90	1	4			64	PSV	Vietnamese
9	PHAM NGOC CHI	RP3	87	1	4			61	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN DUY CHINH	RP3	89	1	3			54	PSV	Vietnamese
11	HOANG MINH THIEN	RP3	91	1	6			72	PSV	Vietnamese
12	HA VAN THUAN	RP3	83	1	5			56	PSV	Vietnamese
13	ĐO VĂN TUNG	RC6	56	1	3			65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN GIAP TUAT	RC6	57	1	6	1	20	70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC LINH	RC6	55	1	7			88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN KIEM BAC	RC6	48,54	2	19			77	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LOI	RC6	58	1	10			65	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAM VAN THUY	RC6	01,91	2	19			62	KH-THAC	Vietnamese
19	LE NGOC DUNG	RC6	59	1	9			61	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC VIET	RC6	47	1	9			62	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN VAN SON	RC6	46	1	9			55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.		DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL			REMARK
			PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO		
					PCS	W	PCS	W				
1		RP3	12	783	13	76	1	10	13			
2		RC6	9	605	11	91	1	20	9			
		TOTAL	21	1.388	24	167	2	30	22			
		WEIGHT KG		1.388		167		30				

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN